TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 65/2019/DS-ST
Ngày: 25/11/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Trọng Kim

2. Ông Nguyễn Văn Thiện

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 169/2019/TLST- DS, ngày 26/6/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2019/QĐXXST-DS ngày 22/10/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Quỹ Tín Dụng nhân dân Đ. Địa chỉ: số 313, đường ĐT 766, tổ 9, thôn 3, xã Đức Hạnh, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1982. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Có mặt

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969 và ông Cao Văn H, sinh năm 1992. Địa chỉ: tổ 4, thôn 8, xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Có mặt bà N; vắng mặt ông H

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Thị Thu H1, sinh năm 1963. Địa chỉ: số 57 đường số 03, thôn 5, xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; Có mặt

2. Bà Bùi Thị Thu C, sinh năm 1965. Địa chỉ: tổ 6, thôn 8, xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/6/2019, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày: Ngày 18/10/2012, bà Nguyễn Thị N có ký hợp đồng tín dụng số T.12/0390-08/HĐTD để vay vốn của Quỹ tín dụng nhân dân Đ theo hình thức tín chấp số tiền 20.000.000 đồng, nhằm mục đích đầu tư chăm sóc cây mỳ và chăn nuôi heo, với mức lãi suất thỏa thuận trong hạn 1.29%/tháng, lãi suất quá hạn 1,935%/tháng. Thời hạn vay 12 tháng, tiền vay được giải ngân ngày 22/10/2012. Quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn, bà N không trả bất kỳ khoản nợ gốc và nợ lãi nào. Quỹ tín dụng đã nhiều làm việc và yêu cầu bà N và ông H (con bà N) trả nợ nhưng không có kết quả. Đơn khởi kiện, Quỹ tín dụng yêu cầu bà N và ông H phải trả cho Quỹ tín dụng số tiền gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh được tính theo lãi suất trong hạn 1,29%/tháng kể từ ngày 22/10/2012 cho đến ngày 25/11/2019 là 21.955.800 đồng. Kể từ ngày 26/11/2019, bà N còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất 1,29%/tháng cho đến khi trả xong nợ gốc cho Quỹ tín dụng.

Tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị N khai: Năm 2006, bà N có vay cho bà Bùi Thị Thu C số tiền 20.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng Đ, thời hạn vay 12 tháng, khi đến hạn đều làm thủ tục đáo hạn cho đến năm 2010. Sau đó bà C dẫn bà Bùi Thị Thu H1 là chị gái của bà C xuống nhà nhờ bà N ký thủ tục đáo hạn vay cho bà H1 20.000.000 đồng vào năm 2011, thời hạn trả đến năm 2012. Từ năm 2012 đến nay, bà N không có vay tiền tại Quỹ tín dụng Đ và không ký bất kỳ chứng từ nào liên quan đến khoản nợ theo nội dung đơn khởi kiện của Quỹ tín dụng Đ nên bà N không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Quỹ tín dụng Đ. Bà N yêu cầu Tòa án triệu tập bà C và bà H1 tham gia tố tụng để xác định rõ ai phải có nghĩa vụ trả khoản vay mà Quỹ tín dụng Đ khởi kiện.

Tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị Thu C trình bày: Trước đây bà có nhờ bà N vay số tiền 20.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng Đ. Tuy nhiên vào năm 2011,

giữa bà và bà Bùi Thị Thu H1 (chị gái bà) thỏa thuận để bà C đứng ra nhận nợ thay cho bà H1 số tiền 20.000.000 đồng mà bà H1 đã vay của ông Trần Chí Tài vào năm 2009. Đồng thời bà H1 có nghĩa vụ nhận trả nợ số tiền 20.000.000 đồng mà bà N đã vay giùm cho bà C tại Quỹ tín dụng Đ. Việc thỏa thuận này có bà N và chị em bà đều biết. Số tiền nợ 20.000.000 đồng bà nhận trả thay bà H1 cho ông Trần Chí Tài đã được giải quyết xong theo quyết định của Tòa án. Ngoài ra, hồ sơ vay vốn ngày 18/10/2012 tại Quỹ tín dụng Đ đứng tên bà N là do bà H1 tự làm và ký tên thay cho bà N để đảo nợ. Vì vậy, bà C đề nghị bà H1 phải trả số tiền 20.000.000 đồng cho Quỹ tín dụng Đ.

Tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị Thu H1 trình bày: Vào năm 2012, bà C có nhờ bà H1 làm hồ sơ đảo nợ và ký giùm vào hồ sơ đảo nợ cho bà N tại Quỹ tín dụng Đ. Vì lúc đó bà H1 thường làm hồ sơ đảo nợ trong tổ vay vốn và bà nghĩ rằng mục đích đảo nợ là kéo dài thời gian vay vốn cho người đi vay nên bà đã ký tên bà N trong hồ sơ vay năm 2012 giùm cho bà N, chứ thực tế bà không có vay tiền và không nhận tiền vay từ Quỹ tín dụng Đ theo hợp đồng tín dụng ngày 18/10/2012. Việc bà C cho rằng giữa bà và bà C có thỏa thuận nhận nợ theo trình bày của bà C như trên là không có. Do đó bà H1 không đồng ý trả nợ khoản vay 20.000.000 đồng mà Quỹ tín dụng khởi kiện.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh phát biểu quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự đã thực hiện đúng, đủ quyền và nghĩa vụ theo luật tố tụng quy định. Tại phiên tòa không có mặt ông H nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần hai. Do đó Hội đồng xét xử vắng mặt là đúng quy định. Về nội dung: Xét thấy tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể bà C đồng ý trả khoản nợ theo yêu cầu của Quỹ tín dụng và được Quỹ tín dụng đồng ý. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận này và buộc bà C trả nợ cho Quỹ tín dụng Đ là đúng quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự. Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xác định quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt ông H nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H là đúng pháp luật.

[4] Về áp dụng án lệ: Xét thấy nội dung tranh chấp của vụ án này có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong án lệ số 08/2016/AL đã được công bố theo quyết định số 698/QĐ_CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, cụ thể: "*Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này"*. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng nội dung án lệ này để giải quyết.

[5] Về nội dung: Xét thấy quá trình tham gia tố tụng, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án, cụ thể:

Đơn khởi kiện Quỹ tín dụng nhân dân Đ yêu cầu bà N trả số tiền vay 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng ngày 18/10/2012;

Bà Nguyễn Thị N không đồng ý trả nợ vì cho rằng, từ năm 2006 đến năm 2011 bà C có nhờ bà ký hợp đồng vay của Quỹ tín dụng Đ 20.000.000 đồng. Tuy chưa trả được nợ nhưng hợp đồng vay vốn ngày 18/10/2012 không phải do bà xác lập, chữ ký trong hồ sơ vay vốn không phải của bà nên bà không có nghĩa vụ trả nợ;

Bà Bùi Thị Thu C thừa nhận có nhờ bà N vay giùm 20.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng Đ nhưng từ năm 2012 thì giữa bà và bà H1 đã thỏa thuận như sau: bà C nhận và trả thay cho bà H1 20.000.000 đồng mà bà H1 đã vay của ông Trần Chí Tài vào năm 2009, còn bà H1 nhận và trả thay 20.000.000 đồng mà bà C đã nhờ bà

N vay của Quỹ tín dụng Đ. Do đó khoản nợ của Quỹ tín dụng bà H1 phải chịu trách nhiệm trả;

Bà Bùi Thị Thu H1 cho rằng giữa bà và bà C không có việc thỏa thuận như trình bày của bà C. Bà H1 thừa nhận hồ sơ vay vốn ngày 18/10/2012 là do bà H1 ký tên thay cho bà C để đáo hạn nợ, chứ bà H1 không có vay của Quỹ tín dụng Đ nên không đồng ý trả nợ.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, giữa Quỹ tín dụng nhân dân Đ và bà Bùi Thị Thu C đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể Bà Bùi Thị Thu C đồng ý trả cho Quỹ tín dụng nhân dân xã Đ 20.000.000 đồng tiền gốc theo hợp đồng tín dụng số T.12/0390-08/HĐTD và tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của Quỹ tín dụng Đ. Xét thấy thỏa thuận của đương sự về việc giải quyết vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này là phù hợp và đúng quy định.

[6] Về án phí: Bà C là người có nghĩa vụ trả nợ ,do đó phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là đúng pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Án lệ số 08/2016/AL; Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, quyết định:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, cụ thể: Bà Bùi Thị Thu C đồng ý trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền 41.955.800 đồng. Trong đó, nợ gốc 20.000.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 22/10/2012 đến ngày 25/11/2019 với mức lãi suất 1,29%/tháng là 21.955.800 đồng.

Bà Bùi Thị Thu C còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất 1,29%/tháng trên số nợ gốc kể từ ngày 26/11/2019 cho đến khi trả xong nợ gốc cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị Thu C phải chịu 2.098.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền 1.237.000 đồng đã nộp theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025429 ngày 26/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Quỹ tín dụng nhân dân Đ, bà N, bà C và bà H1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (25/11/2019); ông Cao Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Phước Hiệu